

TOÀN CẢNH SỰ TRỖI DẬY CỦA TÂY PHƯƠNG TRONG LỊCH SỬ

Nguyễn Cao Quyền

Nếu ta lấy năm 1500 để nhìn vào thế giới thì phải nói rằng Trung Quốc hồi đó đã là một quốc gia tiên bộ hơn bất cứ một quốc gia nào khác trên mặt địa cầu. Trong thời kỳ đó, với một dân số tuy chỉ gấp đôi dân số Âu Châu, nhưng Trung Quốc đã có một nền văn hóa lẫy lừng, một vùng đất phì nhiêu, một hệ thống thủy lợi tiện lợi và một chính quyền được giáo lý Khổng Mạnh xếp đặt ngăn nắp và chu đáo. Tất cả những thứ nói trên làm cho nước ngoài thán phục và thèm muốn. Trước năm 1368, Trung Quốc đã bị người Mông Cổ xâm chiếm và cai trị nhưng chính người Mông Cổ lại bị nền văn minh và văn hóa Trung Quốc chinh phục.

Người Trung Quốc đã làm ra ra máy in đầu tiên cho nhân loại. Họ cũng phát minh ra tiền giấy, kỹ nghệ đúc sắt thép, thuốc súng, địa bàn đi biển vào thời gian này. Năm 1420, hải quân của triều đình nhà Minh gồm 1350 chiến thuyền hạng nặng, 400 công sự nổi, 250 thuyền nhẹ tuần tra di chuyển quanh vùng duyên hải. Khi nhắc đến lịch sử của họ, người Trung Quốc thường hãnh diện kể chuyện Đô Đốc Trịnh Hòa khám phá Mỹ Châu trước cả Christopher Columbus. Năm 1421 Trịnh Hòa đã đem hàng trăm chiến thuyền vượt eo biển Malacca sang Tích Lan, qua Phi Châu rồi sang Mỹ. Có điều là Trịnh Hoà viễn du đại dương không nhằm mục đích khám phá thế giới mà chỉ nhằm mục đích tìm người. Ba năm sau chuyến hải hành của Trịnh Hoà, Minh Thành Tổ ra lệnh cấm đóng thuyền lớn để vượt đại dương. Hạm đội của Trịnh Hòa bị bỏ xó cho tới khi mục nát. Lý do là vì Minh Thành Tổ muốn tập trung tài nguyên vào việc giữ an ninh cho phòng tuyến phía Bắc thường xuyên bị Mông Cổ đe dọa.

Một thế kỷ sau, các thị trấn trên sông Dương Tử bị bọn cướp biển Nhật tấn công, rồi các chiến thuyền của Bồ Đào Nha cũng qua lại dòm ngó. Tuy nhiên lệnh cấm đoán vẫn không được xét lại. Các quan triều đình với tinh thần bảo thủ lạc hậu không thích nhìn thấy một quân đội hùng mạnh bất cứ dưới dạng thức nào. Tinh thần bảo thủ nói trên đã làm hại Trung Quốc về nhiều mặt. Tất cả tài nguyên quốc gia đã được tập trung vào việc xây dựng và củng cố thêm Vạn Lý Trường Thành và vào việc mở mang hệ thống sông ngòi. Kỹ nghệ in ấn, kỹ nghệ sắt thép, việc lưu hành tiền giấy không được phát triển và bị gián đoạn. Việc lưu thông hàng hải không có nên ngoại thương cũng không. Kỹ nghệ đánh cá biển cũng không nổi. Quốc gia bị thiệt thòi về mặt thu nhập rất lớn. Dân số tăng nhanh, thu nhập giảm dần, đất nước trở nên nghèo khó và tình trạng nghèo khó này còn đeo đuổi dân tộc cho đến những triều đình tiếp nối. Năm 1736, khi kỹ nghệ sắt thép ở Anh bắt đầu phát triển sôi động thì những lò đúc sắt ở Hồ Nam và Hồ Bắc vẫn còn tiếp tục ở trong tình trạng hoang phế và hoang phế đến tận thế kỷ 20 vẫn chưa được phục hồi.

Từ Sức Mạnh Đến Yếu Kém

Như vậy là vào thời nhà Minh Trung Quốc đã chọn chính sách “đóng cửa” với thế giới bên ngoài. Trong khi đó, Âu Châu vẫn theo đuổi chính sách “mở cửa” và khám phá đại dương bằng những cuộc hải hành xuyên biển cả để tăng cường nghị lực của họ và bành trướng thế lực trên mặt địa cầu. Đến đây, một câu hỏi thường được nêu lên là: “Nếu nhà Minh không dẹp bỏ hải lực và mộng viễn dương của họ thì bộ mặt lịch sử của nhân loại có đổi khác hay không?” Câu trả lời là “không”, vì quyết định của triều đình nhà Minh không phải là một sự lầm lẫn chiến lược mà là do bản chất hẹp hòi của nền văn minh Trung Quốc.

Chính cái bản chất hẹp hòi tự mãn này đã ảnh hưởng không ít đến những nền văn minh khác ngoài Tây Phương, khiến toàn vùng trở thành lạc hậu trong nhiều thế kỷ so với một số nước Âu Châu. Mấy trăm năm sau niên hiệu 1500, trong khi Âu Châu và Hoa Kỳ trở thành kỹ nghệ hóa, đô thị hóa và hiện đại hóa thì Trung Quốc và vùng đất ngoài Tây Phương vẫn tiếp tục sống trong tình trạng nông nghiệp nghèo khổ.

Nếu muốn so sánh sự thịnh vượng của mỗi nước hay mỗi vùng với các nước hay các vùng khác bằng cách tính GDP theo đầu người (GDP Per Capita) thì ta thấy rằng vào năm 1500 GDP Per Capita của Âu Châu cao bằng hai GDP Per Capita của Trung Quốc và Á Châu cộng lại, và vào năm 1600 thì cao hơn 50% GDP Per Capita của Trung Quốc. Trong khoảng thời gian 600 năm (1350-1950) GDP Per Capita của Trung Quốc và Ấn Độ gần như không thay đổi và ở vào khoảng 600 USD/ người. Trong khoảng thời gian này GDP Per Capita Âu Châu tăng từ 600 lên 4500 USD/người nghĩa là vào khoảng 600% lớn hơn.

Nhớ lại lịch sử ta thấy vào đầu thiên niên kỷ thứ hai Đông Phương hơn Tây Phương về mọi mặt. Trung Đông là vùng phát triển tiên tiến nhất vào thời đó và là nơi tập trung những kiến thức về văn minh La Mã và Hy Lạp: con số “zero” phát sinh từ vùng này trong thời gian này, danh từ “algebra” đến từ tên sách Al-Jahr wa-a-Mugabilab của người Ả Rập, danh từ “algorithm” đến từ tên của nhà toán học Ả Rập I-khwarizmi. Ấn Độ cũng có một nền văn minh sang chói. Thành phố Vijayanagar được du khách kể lại như một thành phố hoa lệ không thua kém gì thủ đô La Mã. Ngay cả Phi Châu cũng có một vài vùng lợi tức cao hơn Âu Châu.

Mọi việc bắt đầu thay đổi vào thế kỷ 15, và chỉ 100 năm sau, Tây Phương vượt trội hẳn lên. Cuộc cách mạng tư tưởng trong thời kỳ Phục Hưng với những tên tuổi như Copernicus, Vesalius, Galileo, đã khai sinh ra nền khoa học hiện đại trong khoảng thời gian 1450-1550. Bắt đầu từ thế kỷ 17 mọi loại kỹ thuật, sản phẩm, tổ chức (chẳng hạn như quân đội và công ty thương mại) đều trở thành tiên tiến hơn những nơi khác.

Các phát minh khoa học kỹ thuật đã thay đổi hẳn đầu óc và đời sống của các dân tộc Tây Phương. Trong khi đó thì Trung Quốc quay mặt đi với thế giới bên ngoài. Vì không có khoa học và kỹ thuật nên Trung Quốc và Á Châu đã thật sự bị định luật kinh tế của Thomas Maltus chi phối. Maltus nói rằng: “thực phẩm của một nước chỉ tăng trưởng theo cấp số cộng, trong khi dân số tăng trưởng theo cấp số nhân”. Đối với Tây Phương nguyên tắc này không đúng vì khoa học kỹ thuật của họ đã làm tăng nhanh số thực phẩm hơn số miệng ăn, trong khi ở Á Châu định luật của Maltus tiếp tục ảnh hưởng. Á Châu nghèo đi và càng ngày càng lụn bại vì thế. Vì thiếu khoa học kỹ thuật nên thành tích phát triển của Á Châu bị đứt đoạn và phù du. Điểm này đã trở thành thảm kịch. Người ta đổ lỗi cho một nền văn hóa không được bồi dưỡng và vun sỏi bằng giáo dục và những nghiên cứu xuyên thế hệ. Thực tế này không thể phủ nhận nhưng vấn đề vẫn đang còn ở trong vòng tranh cãi.

Văn Hóa Có Phải Là Định Mệnh?

Việc dậm chân tại chỗ quá lâu của các nước ngoài Tây Phương đã được Trung Quốc và Ấn Độ giải thích bằng những thay đổi về văn hóa. Họ nói rằng vì văn hóa có thể thay đổi nên đôi lúc chính trị đã thay đổi văn hóa và có thể làm cho người ta lẫn lộn. Lời giải thích này, quá đơn sơ, tùy tiện nên thiếu sức thuyết phục. Vậy thì phải giải thích làm sao? Nếu muốn giải thích một cách khoa học thì phải xác định như sau: tất cả đều là do cấu trúc chính trị của các nhà nước Á Châu và Ấn Độ. Phần lớn các nhà nước đó đều có cấu trúc độc tài: nhà nước bóc lột tối đa khả năng đóng thuế của người dân nhưng không mang lại cho họ một sự đáp ứng nào xứng đáng. Lễ ra tiền thuế của dân phải được dùng để mở mang hệ thống đường xá, hải cảng, phương tiện giao thông hàng hải và khuếch trương mậu dịch thì các vua Á Châu và Ấn Độ đã chỉ tập trung vào việc xây dựng lâu đài nguy nga tráng lệ và lăng tẩm hùng vĩ cho lợi ích riêng tư của cá nhân và gia đình. Kết luận là với những nhà nước quá mạnh nhưng ích kỷ và những xã hội dân sự quá yếu không có khả năng phản ứng, nền phần còn lại của thế giới đã thua kém Tây Phương vì phát triển quá chậm.

Dưới nhãn quan của các nước Tây Phương và Hoa Kỳ thì đó là do họ không chấp nhận quyền tư hữu, không có những định chế cai trị tốt và không có một xã hội dân sự năng động. Thật vậy, các Sa hoàng của Nga coi đất nước là của riêng, còn tại Trung Quốc thì triều đình nhà Minh làm ngơ và khinh miệt thương mại. Tại Ấn Độ cũng vậy, giai cấp doanh thương luôn luôn phụ thuộc vào sở thích tùy tiện của triều đình. Truyền thống Ottoman (Thổ) cũng như truyền thống Trung Hoa chỉ coi trọng những nhà quân sự có chiến công hiển hách, những quý tộc và quan lại có tài kinh bang tế thế. Chính vì không được giao tiếp với thế giới bên ngoài qua hoạt động mậu dịch thương mại mà các xã hội nói trên đã trở thành khép kín và tự mình cắt đứt với những cơ may hiện đại hóa. Thêm vào đó sự cấm cản của tín ngưỡng và tôn giáo cũng là những chướng ngại cho đời sống và phát triển.

Sự Phát Triển Lầy Lùng Và Nhanh Chóng Của Tây Phương

Để làm rõ thêm kết luận này, thiết tưởng cũng nên đề cập một chút đến sự phát triển lầy lùng và nhanh chóng của Tây Phương. Tây Phương phát triển nhanh chóng vì nhiều lý do. Lý do đầu tiên là sự hiện diện của Nhà Thờ Công Giáo (Christian Church). Nhà Thờ Công Giáo được coi như một lực lượng đối trọng đáng kể nhất đối với quyền lực của nhà vua. Ngoài Nhà Thờ ra, tập thể của các địa chủ ở nông thôn cũng là một đối trọng

khác đối với thế lực trung ương: hiến chương Magna Carta là một thí dụ. Lý do thứ ba phải nói đến là điều kiện địa dư (geography). Âu Châu là một mảnh đất bị cắt khúc bởi sông ngòi, núi non và những thung lũng rộng lớn. Sự cắt khúc tự nhiên này tạo thành những lãnh địa với biên cương có núi non hiểm trở hoặc sông ngòi ngăn cách, thuận lợi cho sự thành lập những đơn vị chính trị từ nhỏ đến lớn như quận lý, thành phố, bang hạt, quốc gia và cả đế quốc nữa.

Năm 1500 Âu Châu có khoảng 500 đơn vị chính trị như nói ở trên. Giữa những đơn vị chính trị này luôn luôn có sự cạnh tranh về các mặt tư tưởng, dân số, nghệ thuật, tiền tệ và vũ khí. Người dân bị đàn áp tại một địa phương có thể di chuyển dễ dàng sang một địa phương khác. Nhà nước nào thành công thường được những nơi khác bắt chước. Nếu không bắt chước được thì bị xóa bỏ. Vì có tình trạng cạnh tranh liên tục này nên các dân tộc Âu Châu trở nên rất thiện nghệ và tinh khôn trong nghệ thuật làm giàu và trong phương cách hoạt động để phát triển.

Tại Á Châu, trái lại, địa hình địa vật khác hẳn. Những thảo nguyên bao la bát ngát của nước Nga hoặc nước Tàu là những địa bàn thuận lợi cho những đoàn quân xâm lược di chuyển dễ dàng từ nơi này qua nơi khác. Chính vì thế mà các đế quốc đã nhanh chóng xuất hiện. Chính vì thế mà Vạn Lý Trường Thành ở Trung Hoa được xây cất hết thế hệ này sang các thế hệ sau. Chính vì thế mà người dân không được tự do hành động vì phải sinh sống dưới sự áp chế của các hệ thống chính trị quân chủ độc đoán.

Nhìn sang Phi Châu người ta cũng thấy một tình trạng tương tự: sa mạc mênh mông không người ở, bờ biển tuy không ngắn nhưng ít thuận lợi cho sự xây cất hải cảng, đa số sông ngòi với dòng nước chảy xiết rất nguy hiểm cho thuyền bè qua lại. Chưa kể khí hậu nhiệt đới rất nóng bức là một môi trường phát sinh bệnh tật và huỷ hoại hoa màu khiến cho lương thực trở thành khan hiếm.

Thời kỳ mà các đế quốc Trung Hoa, Nga (Sa Hoàng), Mogul (Ấn Độ) và Ottoman (Thổ), thiết lập trên các thảo nguyên rộng lớn, được hưởng sự ổn định và phát triển thì các quốc gia nhỏ bé tại Âu Châu vẫn còn phải vật lộn bằng chiến tranh để tìm đường sống. Vì phải vật lộn bằng chiến tranh nên họ đã phát triển nhanh chóng về mặt chế tạo vũ khí và thông thạo kỹ thuật tác chiến. Nhờ hai khả năng kỹ thuật và chiến lược này họ đã bành trướng qua thời gian và trở thành một nền văn minh tiến bộ đứng đầu nhân loại.

Sức Bành Trướng Của Tây Phương Trong Đợt Ra Quân Đầu Tiên

Nhờ sức mạnh hàng hải phát triển nên một số quốc gia Tây Phương đã có cơ hội tiếp xúc với toàn thể thế giới. Đến đâu họ cũng thấy những nền văn minh khác lạ với sản phẩm tiêu thụ dồi dào hơn, thị trường mậu dịch rộng lớn hơn và cơ hội làm ăn thuận lợi hơn. Bắt đầu từ thế kỷ 17 trở đi, họ tăng cường ảnh hưởng đối với các vùng đất khác văn hóa mà họ đã có cơ hội tiếp xúc. Có thể nói rằng không một phần đất nào của thế giới đã bị họ bỏ rơi. Á Châu, Phi Châu, Úc Châu, thậm chí cả những quần đảo hoặc hải đảo đơn lẻ vùng Á Châu-Thái Bình Dương đều được họ ghi nhận trên tập sổ hải hành.

Vào giữa thế kỷ 19, sau khi đã đặt xong ảnh hưởng của họ tại các nơi khác, họ bắt đầu vươn tới Viễn Đông, Trung Quốc và Nhật Bản. Ba vùng đất này là những miếng mồi cuối cùng họ đã thanh toán, và từ đó họ mang nền văn minh Âu Châu bao phủ lên toàn thể nhân loại, không bỏ sót bất cứ một vùng đất nhỏ nào của thế giới. Ảnh hưởng của họ được truyền đến khắp nơi bằng mậu dịch (trade) nhưng phần nhiều bằng cướp bóc (plunder). Họ mang về nước những áo lông thú đẹp của vùng đất mới Hoa Kỳ, tơ lụa và đồ gia vị (spices) của Á Châu và kim cương của Ba Tây.

Họ di dân đến định cư tại những vùng có khí hậu ôn hòa như ở Bắc và Nam Mỹ. Tại đây họ thiết lập những cộng đồng di dân mới theo mẫu hình các thị xã Âu Châu mà họ đặt cho cái tên là Tân Thế Giới (New World). Tại những vùng đất có khí hậu không thích hợp như Đông Á và Phi Châu họ tổ chức những nông trại sản xuất nông phẩm với giá rẻ để mang về tiêu thụ trong thị trường quốc nội. Người da trắng gốc Hòa Lan (Dutch) thiết lập những nông trại tại vùng Đông Ấn (East- Indies). Người Bồ Đào Nha phát đạt nhờ những nông trại ở Ba Tây (Brazil). Chẳng bao lâu, các nông trại này bị các đồn điền sử dụng nô lệ da đen tại vùng Caribbean cạnh tranh. Loại đồn điền này do người Pháp và người Anh đầu tư và làm chủ.

Đó là hoạt cảnh giai đoạn đầu của sự tiếp xúc với nền văn minh Tây Phương. Trong giai đoạn tiếp theo, những người Tây Phương không dừng ở vị thế làm ăn đó, mà thọc tay sâu hơn vào nội tình của các nước họ

tiếp xúc. Họ tìm cách thay đổi hoặc tiêu diệt những thể chế chính trị, kinh tế và xã hội của các quốc gia địa phương và thay vào đó bằng một trật tự hoàn toàn mới mẻ. Tại Á Châu, từ những nước nhỏ như Miến Điện trở đi, người Anh đã thay đổi thể cách chính trị. Tại Phi Châu, những người Âu Châu đã vẽ lại bản đồ biên giới theo cách họ chia chác lại cho hợp với quyền lợi của từng nhóm. Tất cả những sự sáo trộn này đều được thực hiện bằng bạo lực hoặc bằng sự đe dọa của bạo lực. Tại một vài nơi họ đã mang lại cho các mảnh đất địa phương một chút ánh sáng văn minh nhưng phần đông thì tuyệt đối chỉ là những sự phá hoại thuần túy.

Sự Bành Trướng Của Tây Phương Trong Giai Đoạn Tiếp Theo

Vào thời đó các lực lượng thực dân không chỉ hành động dưới danh nghĩa chính quyền mà còn cả dưới danh nghĩa các đại công ty nữa, chẳng hạn như Dutch and British East India Companies của Hoà Lan và Anh, Compagnie des Indes của Pháp. Họ hành động theo chiến lược “cân bằng lực lượng” (balance of power).

Trước thế kỷ 19, khi họ chưa đủ sức mạnh để xâm chiếm Trung Đông và Bắc Phi bằng quân sự, họ chỉ khuếch trương trao đổi mậu dịch tại vùng này. Tại Á Châu, khi nhận thấy có thể thượng phong về quân sự họ không ngần ngại xâm chiếm lãnh thổ thay vì chỉ thiết lập một vài trạm buôn bán lẻ tẻ vùng biên giới. Tại Phi Châu, người Bồ Đào Nha đã không ngần ngại chiếm đoạt Congo và Zambia ngay từ đầu thế kỷ 16. Nhưng sau một thời gian vì thấy khí hậu không thích hợp nên họ bỏ nơi này và quay sang Tây Bán Cầu. Sự khám phá của Christopher Columbus đã khiến một số đông đảo những con mắt thực dân quay về phía Mỹ Châu. Họ rủ nhau đến lập nghiệp tại Tân Thế Giới (New World). Dần dần họ tiến sâu vào nội địa vì thấy rằng các lực lượng đối kháng địa phương không đủ sức đương đầu với họ. Chỉ một vài băng đảng giang hồ như Cortes-Pizarro cũng thừa sức đánh bại cả một quân đội địa phương. Cho nên các bộ lạc địa phương dễ dàng bị tiêu diệt.

Vì có sự bất cân bằng lực lượng giữa kẻ đi chiếm đóng và người giữ đất nên tham vọng của thực dân của các nước Âu Châu ngày càng phát triển. Một loại đế quốc mới ngoài lãnh thổ xuất hiện, bắt đầu bằng đế quốc Anh là quốc gia có lực lượng hải quân hùng mạnh nhất thời bấy giờ.

Ảnh hưởng của các đế quốc Anh, Pháp, Hoà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha bao trùm nhân loại. Ngoài sự trực lợi qua việc khai thác tài nguyên thiên nhiên và sức lao động địa phương, họ còn truyền bá nền văn hóa Tây Phương vào đầu óc và các sinh hoạt thường ngày của các dân tộc bị trị. Tiếng Anh và những khía cạnh khác của nền văn hóa Anh quốc bắt đầu thấm nhuần và chiếm chỗ của các nền văn hóa thuộc địa. Tại các nước bị Pháp, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đô hộ thì ảnh hưởng văn hóa cũng không thua kém là bao nhiêu. Pháp ngữ cũng rất thông dụng tại Đông Dương.

Tham vọng thực dân ngày càng trở nên mãnh liệt. Tại Viễn Đông nơi mà chiến lược “cân bằng lực lượng” không mấy thuận lợi cho Anh Pháp, bước chân thực dân cũng không kiêng nể. Sau trận Chiến Tranh Nha Phiến, triều đình Nhà Thanh đã phải nhường Hong Kong cho nước Anh và mở cửa năm hải cảng cho công việc buôn bán giữa hai nước. Năm 1853, các hạm đội Hoa Kỳ cũng tự tiện xâm phạm lãnh hải của Nhật Bản và chấm dứt chính sách “không mở cửa” của nước này. Cũng trong thời gian ấy, thực dân Pháp đã xâm chiếm bằng võ lực và đặt nền đô hộ của họ lên các nước Việt Nam, Lào và Campuchia.

Đỉnh cao của sự bành trướng mà hiện tượng thực dân đã đạt tới là thời điểm đầu thế kỷ 20. Vào thời điểm này, một nhóm nhỏ của một vài nước Tây Phương đã thực sự cai trị 85% lãnh thổ của thế giới và đế quốc Anh rộng lớn đến nỗi “mặt trời không bao giờ lặn trên lãnh thổ của đế quốc này”./.

NGUYỄN CAO QUYỀN

Tháng 4 năm 2013